TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/DS-ST
Ngày 26 tháng 4 năm 2021
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng
2. Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị H, sinh năm 1979 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm 10, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Võ Quốc T, sinh năm 1977 (có mặt).
Địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2021, biên bản hòa giải 22/4/2021, cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Năm 2016 và năm 2017, bà có cho ông Võ Quốc T mượn (vay) số tiền 100.000.000 đồng. Mượn (vay) 02 lần. Lần thứ nhất vào ngày 15/11/2016, vay 50.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay không xác định, có làm biên nhận, ông T có đóng lãi được 06 tháng. Lần thứ hai ngày 23/01/2017 mượn (vay) 50.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000 đồng/tháng, có làm biên nhận. ông T có đóng lãi được 03 tháng. Kể từ khi ông T ngưng đống lãi cho đến nay thì ông T chưa trả vốn và lãi.

Nay bà yêu cầu ông T trả số tiền vốn là 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của nhà nước là 20%/năm bằng 1,66%/tháng. Cụ thể: 100.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 47 tháng = 78.333.000 đồng. Tổng cộng 178.333.000 đồng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 22/4/2021 và tại phiên tòa ông Võ Quốc T trình bày: Ông thống nhất trình bày của nguyên đơn về thời gian vay tiền và đóng lãi như nguyên đơn trình bày. Ông thừa nhận 02 biên nhận ngày 15/11/2016 và ngày 23/01/2017, có vay số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận, là 6.000.000 đồng/tháng. Tai phiên hòa giải và tại phiên tòa ông cho rằng hiện nay gặp khó khăn nên yêu cầu bà H không tính lãi suất.

Nay ông đồng ý trả số tiền vốn cho bà H 100.000.000 đồng. Không đồng ý trả lãi 78.333.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Quốc T có nơi cư trú tại khóm 3, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Theo nguyên đơn trình bày, vào ngày 15/11/2016, nguyên đơn có cho ông Võ Quốc T vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000 đồng/tháng, có làm biên nhận nợ, ông T đã trả lãi được 06 tháng. Ngày 23/01/2017 tiếp tục cho ông T vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000 đồng/tháng, có làm biên nhận nợ, ông T đã đóng lãi được 03 tháng. Từ khi ông T ngưng đóng lãi đến nay thì 02 khoản vay trên ông T không trả vốn cũng không trả lãi.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Quốc T trả cho nguyên đơn số tiền vốn 100.000.000 đồng, tiền lãi tính từ thời điểm ông T ngưng trả cho đến nay theo lãi suất nhà nước quy định. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ ngày 15/11/2016 và biên nhận nợ ngày 23/01/2017 có thể hiện nội dung ông T mượn số tiền của bà H và có ký xác nhận của ông T, trong hai lần mượn số tiền 100.000.000 đồng;

Xét, giao dịch mượn (vay) tiền giữa bà Trần Thị H với ông Võ Quốc T là thực tế và ông T thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 22/4/2021 và tại phiên tòa nên đây được xem là chứng cứ có thật, không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, cũng như lời thừa nhận của ông T là hợp lệ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi suất: Tại phiên tòa ông T cũng thừa nhận trong các biên nhận có thể hiện lãi suất khi mượn (vay) 50.000.000 đồng lãi suất 3.000.000 đồng/tháng. Ông vay 100.000.000 đồng thì lãi suất 6.000.000 đồng/tháng và ông

cũng thừa nhận đã đóng lãi cho 02 khoản vay trên nhưng do hiện nay điều kiện kinh tế gặp khó khăn nên ông xin không trả lãi.

Tại phiên tòa bà H tiếp tục yêu cầu ông T trả lãi suất theo quy định của pháp luật của 02 khoản vay. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong biên nhận mượn (vay) tiền ngày 15/11/2016 có thể hiện lãi suất 3.000.000 đồng/tháng, ông đã đóng được 06 tháng . Từ khi ngưng đóng lãi đến nay (từ ngày 15/5/2017 đến ngày xét xử là 26/4/2021) là 47 tháng. Trong biên nhận vay tiền ngày 23/01/2017 có thể hiện lãi suất 3.000.000 đồng/tháng, ông đã đóng được 03 tháng. Từ khi ngưng đóng lãi đến nay (từ ngày 23/4/2017 đến ngày xét xử là 26/4/2021) là 48 tháng. Cộng chung 02 khoảng vay 100.000.000 đồng là 47 tháng.

Lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 quy định lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay và không vượt quá 1,66%/tháng nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ được chấp nhận. Số tiền lãi được tính 100.000.000 đồng x 47 tháng x 1,66%/tháng= 78.333.000 đồng.

[4] *Về án phí*: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Võ Quốc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 157, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Võ Quốc T trả cho bà Trần Thị H số tiền 178.333.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Quốc T không thi hành xong khoản tiền trên, ông Võ Quốc T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Ông Võ Quốc T phải nộp số tiền 8.917.000 đồng (*Tám triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng*); Bà Trần Thị H được nhận lại số tiền 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0004007 ngày 02/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3. Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công